

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành
Dự án: Nâng cấp tuyến đường từ ĐT.640 đi Vinh Quang.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 495/TTr-STC ngày 17/10/2022,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, với nội dung chính như sau:

- Tên công trình: Nâng cấp tuyến đường từ ĐT.640 đi Vinh Quang.
- Chủ đầu tư: UBND huyện Tuy Phước.
- Địa điểm xây dựng: Xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước.
- Thời gian khởi công - hoàn thành: Từ ngày 01/11/2018 đến ngày 17/5/2022.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Chi phí đầu tư

Đơn vị tính: đồng.

TT	Nội dung	Dự toán được duyệt	Giá trị quyết toán
	Tổng số	19.654.481.000	18.711.754.000
A	Bồi thường, giải phóng mặt bằng	644.068.000	631.926.000
I	Bồi thường, giải phóng mặt bằng	551.877.000	551.877.000
II	Bảo vệ và phát triển trồng lúa	80.049.000	80.049.000
III	Dự phòng cưỡng chế kiểm đếm và cưỡng chế thu hồi đất	1.104.000	0
IV	Chi phí phục vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng	11.038.000	0

TT	Nội dung	Dự toán được duyệt	Giá trị quyết toán
B	Chi phí xây dựng	15.800.373.000	16.536.165.000
I	Xây dựng		12.435.599.000
1	<i>Xây dựng</i>		<i>11.931.276.000</i>
2	<i>Hạng mục chung</i>		<i>504.323.000</i>
II	Xây dựng bổ sung		4.100.566.000
C	Quản lý dự án	419.538.000	419.538.000
D	Tư vấn đầu tư xây dựng	1.058.102.000	1.027.523.000
I	Khảo sát; Lập báo cáo Kinh tế-kỹ thuật	409.893.000	396.209.000
1	<i>Khảo sát địa hình</i>	<i>110.184.000</i>	<i>105.492.000</i>
2	<i>Lập báo cáo Kinh tế-kỹ thuật</i>	<i>299.709.000</i>	<i>290.717.000</i>
II	Khảo sát; Lập thiết kế bản vẽ thi công-dự toán	90.319.000	90.314.000
1	<i>Khảo sát địa hình</i>	<i>32.950.000</i>	<i>32.950.000</i>
2	<i>Lập thiết kế bản vẽ thi công-dự toán</i>	<i>57.369.000</i>	<i>57.364.000</i>
III	Lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu	54.211.000	52.500.000
1	<i>Lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu</i>	<i>39.197.000</i>	<i>38.000.000</i>
2	<i>Lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu bổ sung</i>	<i>15.014.000</i>	<i>14.500.000</i>
IV	Giám sát thi công xây dựng	503.679.000	488.500.000
1	<i>Giám sát thi công xây dựng</i>	<i>364.694.000</i>	<i>353.700.000</i>
2	<i>Giám sát thi công xây dựng bổ sung</i>	<i>138.985.000</i>	<i>134.800.000</i>
E	Chi phí khác	745.961.000	96.602.000
I	Bảo hiểm công trình	44.241.000	0
II	Hạng mục chung	528.117.000	0
III	Lệ phí thẩm định báo cáo Kinh tế-kỹ thuật và thẩm định thiết kế bản vẽ thi công-dự toán	28.818.000	28.815.000
IV	Lệ phí thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu	15.407.000	0
V	Kiểm tra công tác nghiệm thu	15.000.000	0
VI	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	114.378.000	67.787.000
G	Dự phòng chi	986.439.000	0

2. Nguồn vốn đầu tư

Đơn vị tính: 1.000 đồng.

Nội dung	Dự toán được duyệt	Giá trị quyết toán	Thực hiện		
			Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân	Số vốn đã thu hồi
Tổng số	19.654.481	18.711.754	18.390.847	347.836	26.929
Vốn ngân sách Nhà nước			18.390.847		
- Vốn ngân sách tỉnh			5.731.000		
+ Nguồn đầu tư tập trung			3.340.000		
+ Nguồn cấp quyền sử dụng đất			2.391.000		
- Vốn ngân sách huyện (nguồn cấp quyền sử dụng đất)			12.659.847		
Trong đó chi phí					
Bồi thường, giải phóng mặt bằng		631.926	551.877	80.049	
Xây dựng		16.536.165	16.563.094		26.929
Quản lý dự án		419.538	419.538		
Tư vấn đầu tư xây dựng		1.027.523	827.523	200.000	
Chi phí khác		96.602	28.815	67.787	

3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư

Đơn vị tính: 1.000 đồng.

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
Tổng số			18.711.754	18.711.754
Tài sản dài hạn (tài sản cố định)			18.711.754	18.711.754
Tài sản ngắn hạn				

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản

- a. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: không.
b. Chi phí không tạo nên tài sản: không.

5. Vật tư thiết bị tổn đọng: không.**Điều 3.** Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan.

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư: Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là: 18.711.754.000 đồng.

Đơn vị tính: đồng.

Nội dung	Số tiền
Tổng số	18.711.754.000
1. Đã bố trí (Vốn ngân sách Nhà nước)	18.390.847.000
- <i>Vốn ngân sách tỉnh</i>	<i>5.731.000.000</i>
+ <i>Nguồn đầu tư tập trung</i>	<i>3.340.000.000</i>
+ <i>Nguồn cấp quyền sử dụng đất</i>	<i>2.391.000.000</i>
- <i>Vốn ngân sách huyện (nguồn cấp quyền sử dụng đất)</i>	<i>12.659.847.000</i>
2. Vốn đã thu hồi	26.929.000
3. Chưa bố trí	347.836.000

- Tổng các khoản công nợ tính đến nộp báo cáo quyết toán (30/8/2022) là:

+ Tổng nợ phải thu: 0 đồng.

+ Tổng nợ phải trả:

Đơn vị tính: đồng.

Nội dung	Số tiền
Tổng số	347.836.000
- Bồi thường, giải phóng mặt bằng (Bảo vệ và phát triển trồng lúa)	80.049.000
- Tư vấn đầu tư xây dựng (Giám sát thi công xây dựng)	200.000.000
- Chi phí khác (Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán)	67.787.000

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: đồng.

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định
UBND xã Phước Sơn	18.711.754.000

Điều 4. Đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm quản lý, sử dụng công trình theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước. Căn cứ số liệu quyết toán được duyệt, các cơ quan liên quan cấp phát, thanh toán, hạch toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo đúng quy định.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Giao thông vận tải, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước, Chủ tịch UBND xã Phước Sơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- PVP TD;
- Lưu: VT, K19.

Nguyễn Tự Công Hoàng